GIÀ HÓA DÂN SỐ, BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BẠC: PHÂN TÍCH VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG HỆ SINH THÁI KINH TẾ BẠC TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Thuỷ Hương
Trường Đại học FPT, Greenwich Việt Nam, Hà Nội

Tóm tắt: *Già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng và tạo ra những thay đổi sâu rộng đối với phát triển kinh tế – xã hội của Việt Nam. Người từ 60 tuổi trở lên chiếm 11,9% dân số năm 2019 và được dự báo vượt 25% vào năm 2050; Việt Nam có thể chuyển sang xã hội "già" vào khoảng năm 2036. Trong bối cảnh đó, kinh tế bạc (Silver Economy) mở ra cơ hội đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi, đồng thời thúc đẩy thị trường, việc làm và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, già hóa có những tác động khác biệt theo giới: phụ nữ vừa chiếm tỷ trọng cao trong nhóm người cao tuổi, vừa chịu bất lợi về việc làm, thu nhập và an sinh, đồng thời đảm nhận phần lớn công việc chăm sóc không được trả công. Dựa trên tổng quan tài liệu, phân tích chính sách và phân tích chủ đề, bài viết làm rõ mối quan hệ giữa già hóa dân số, bình đẳng giới và kinh tế bạc; đồng thời nhận diện sáu vai trò của phụ nữ trong hệ sinh thái: người tiêu dùng, người lao động, người chăm sóc, người cung cấp dịch vụ, doanh nhân và nhà đổi mới sáng tạo. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất khung "Hệ sinh thái kinh tế bạc nhạy cảm giới", đặt phụ nữ ở trung tâm của chuỗi giá trị và kết nối nhu cầu người cao tuổi với thị trường, việc làm, an sinh và đổi mới.*

Từ khóa: *già hóa dân số; kinh tế bạc; bình đẳng giới; phụ nữ; kinh tế chăm sóc; Việt Nam.*

POPULATION AGEING, GENDER EQUALITY, AND SILVER ECONOMY DEVELOPMENT: ANALYSING WOMEN'S ROLES IN VIETNAM'S SILVER ECONOMY ECOSYSTEM

Abstract: *Rapid population ageing is bringing profound changes to Vietnam's socioeconomic development. People aged 60 and over accounted for 11.9% of the population in 2019 and are projected to exceed 25% by 2050; Vietnam may become an "aged society" around 2036. In this context, the silver economy offers opportunities to meet older people's needs while fostering markets, employment, and innovation. However, ageing has gender-differentiated effects: women constitute a large share of the older population, face disadvantages in employment, income, and social protection, and undertake most unpaid care work. Drawing on a literature review, policy analysis, and thematic analysis, this article examines the relationships between population ageing, gender equality, and the silver economy. It identifies six roles women play within the ecosystem: consumers, workers, caregivers, service providers, entrepreneurs, and innovators. The article then proposes a "Gender-Responsive Silver Economy Ecosystem" framework that places women at the centre of the value chain and connects older people's needs with markets, employment, social protection, and innovation.*

Keywords: *population ageing; silver economy; gender equality; women; care economy; Vietnam.*

Nhận bài: 11/09/2026 Phản biện: 11/10/2026 Duyệt đăng: 15/10/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Già hóa dân số đang trở thành một xu hướng nhân khẩu học quan trọng, tác động đồng thời đến thị trường lao động, an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe, tiêu dùng và tổ chức đời sống gia đình. Đối với Việt Nam, thách thức đặc biệt nằm ở tốc độ già hóa nhanh trong khi hệ thống chăm sóc dài hạn và an sinh vẫn đang được hoàn thiện. Theo UNFPA, người từ 60 tuổi trở lên chiếm 11,9% dân số năm 2019 và được dự báo vượt 25% vào năm 2050; Việt Nam được dự báo bước vào thời kỳ dân số già khoảng năm 2036 (UNFPA Vietnam, n.d.). Già hóa đồng thời làm thay đổi cấu trúc nhu cầu về y tế, dinh dưỡng, nhà ở, giao thông, tài chính, du lịch, công nghệ hỗ trợ và chăm sóc dài hạn. Ủy ban châu Âu xem kinh tế bạc là tập hợp các hoạt động kinh tế đáp ứng nhu cầu và khai thác cơ hội của người cao tuổi, có khả năng thúc đẩy chất lượng sống, việc làm, đầu tư và đổi mới trong nhiều lĩnh vực (European Commission, 2026). Tuy nhiên, cách tiếp cận chỉ xem người cao tuổi là người tiêu dùng chưa phản ánh đầy đủ chiều cạnh giới. Phụ nữ có xu hướng sống lâu hơn, đồng thời chịu những bất lợi tích lũy về thu nhập, việc làm, bảo hiểm và chăm sóc. Tại Việt Nam, phụ nữ dành trung bình 18,84 giờ/tuần cho công việc gia đình và chăm sóc không trả công, so với 8,93 giờ ở nam giới (International Labour Organization et al., 2021b). UNFPA cho biết khoảng 99% người cao tuổi vẫn phụ thuộc vào chăm sóc gia đình và phụ nữ đảm nhận phần lớn trách nhiệm chăm sóc (UNFPA Vietnam, 2026). Vì vậy, già hóa đặt ra vấn đề kép: đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người cao tuổi và tránh để chi phí chăm sóc tiếp tục dồn lên phụ nữ. Bài viết tập trung vào ba câu hỏi: (1) kinh tế bạc gồm những nội hàm nào; (2) già hóa, bình đẳng giới và kinh tế bạc liên hệ ra sao ở Việt Nam; và (3) phụ nữ giữ những vai trò nào trong hệ sinh thái này, cùng những định hướng chính sách cần thiết?

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHUNG PHÂN TÍCH

2.1. Khái niệm và nội hàm của kinh tế bạc

Theo Ủy ban châu Âu, kinh tế bạc bao gồm các hoạt động kinh tế liên quan đến nhu cầu và cơ hội của người cao tuổi, không chỉ về tiêu dùng mà còn về việc làm, đầu tư, đổi mới và tham gia kinh tế – xã hội (European Commission, 2026; Farla et al., 2018). OECD cũng nhấn mạnh tiềm năng của các lĩnh vực như y tế, nhà ở, giao thông, du lịch, công nghệ, bán lẻ và chăm sóc dài hạn (OECD, 2025). Trong phạm vi bài viết, kinh tế bạc được hiểu là một hệ sinh thái các hoạt động kinh tế, xã hội và đổi mới sáng tạo được hình thành hoặc mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu, khai thác năng lực và tăng cường sự tham gia của dân số cao tuổi. Ba đặc điểm cốt lõi là: tính đa ngành; người cao tuổi vừa là người tiêu dùng vừa là chủ thể kinh tế; và nhu cầu của xã hội già hóa tạo động lực cho đổi mới sản phẩm, dịch vụ và công nghệ. Các lĩnh vực chính gồm y tế và chăm sóc sức khỏe, chăm sóc dài hạn, tài chính – bảo hiểm, nhà ở, giao thông, du lịch, giáo dục, công nghệ số, sản phẩm hỗ trợ, giải trí, dịch vụ xã hội và việc làm/khởi nghiệp.

2.2. Già hóa dân số và sự hình thành kinh tế bạc

Có thể khái quát cơ chế hình thành kinh tế bạc như sau: Già hóa dân số → thay đổi cơ cấu nhu cầu → gia tăng nhu cầu về y tế, chăm sóc, tài chính, nhà ở, công nghệ và dịch vụ → hình thành thị trường mới → đổi mới sản phẩm/dịch vụ → tạo việc làm, đầu tư và giá trị kinh tế. Quá trình này không tự động; cần sự tham gia của Nhà nước, doanh nghiệp, gia đình, cộng đồng và người cao tuổi (UNFPA Vietnam, 2026). Trong bối cảnh Việt Nam, kinh tế chăm sóc (care economy) là một bộ phận quan trọng của hệ sinh thái kinh tế bạc, bởi phần lớn nhu cầu chăm sóc hiện vẫn được đáp ứng trong gia đình. Khoảng trống giữa nhu cầu chăm sóc ngày càng tăng và cung ứng dịch vụ chính thức tạo ra đồng thời một thách thức xã hội và một không gian cho việc làm, đào tạo nghề, doanh nghiệp và công nghệ chăm sóc.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu kết hợp phân tích chính sách và phân tích chủ đề. Nguồn thứ cấp được chia thành bốn nhóm: (i) báo cáo, dữ liệu và ấn phẩm của UNFPA, ILO và các tổ chức quốc tế; (ii) văn bản pháp luật, chương trình và chính sách của Việt Nam; (iii) nghiên cứu về Silver Economy và xã hội già hóa của Liên minh châu Âu và OECD; và (iv) tài liệu về lao động chăm sóc, việc làm, thu nhập và an sinh của phụ nữ (European Commission, 2026; International Labour Organization et al., 2021b; OECD, 2025; UNFPA Vietnam, n.d.). Phân tích được thực hiện theo năm bước: xác định nội hàm khái niệm; phân tích nội dung tài liệu và chính sách; tổng hợp và đối chiếu bằng chứng; mã hóa theo chủ đề; và xây dựng khung "Hệ sinh thái kinh tế bạc nhạy cảm giới". Phân tích chủ đề tập trung vào các vai trò của phụ nữ: người tiêu dùng, người lao động, người chăm sóc, người cung cấp dịch vụ, doanh nhân và nhà đổi mới sáng tạo. Do sử dụng chủ yếu dữ liệu thứ cấp, nghiên cứu không nhằm xác định quan hệ nhân quả giữa kinh tế bạc và bình đẳng giới. Đóng góp chính là kết nối các vấn đề thường được nghiên cứu tách biệt – già hóa, kinh tế bạc, kinh tế chăm sóc và bình đẳng giới – trong một khung phân tích thống nhất.

IV. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH VÀ THẢO LUẬN

4.1. Già hóa dân số và sự hình thành nhu cầu kinh tế bạc tại Việt Nam

Theo UNFPA, trong khoảng một thập kỷ tới, hơn 20% dân số Việt Nam sẽ từ 60 tuổi trở lên. Tuổi thọ trung bình khi sinh khoảng 74,7 năm trong khi tuổi thọ khỏe mạnh khoảng 65,4 năm, tạo khoảng cách khoảng 9,3 năm và hàm ý nhu cầu về chăm sóc, phục hồi và hỗ trợ trong giai đoạn cuối vòng đời (UNFPA Vietnam, 2026). Kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 cũng cho thấy quy mô và tốc độ già hóa tiếp tục tăng (General Statistics Office of Vietnam [GSO], 2025).

Chỉ báo	Giá trị	Hàm ý chính
Người 60+ năm 2019	11,9%	Quy mô dân số cao tuổi tăng nhanh
Người 60+ trong khoảng một thập kỷ tới	>20%	Nhu cầu thị trường tăng
Tuổi thọ trung bình	74,7 năm	Kéo dài thời gian sống
Tuổi thọ khỏe mạnh	65,4 năm	Gia tăng nhu cầu hỗ trợ
Khoảng cách tuổi thọ – khỏe mạnh	9,3 năm	Nhu cầu y tế, phục hồi, chăm sóc
Người cao tuổi không có lương hưu	76%	Khả năng chi trả còn hạn chế
Phụ thuộc chăm sóc gia đình	99%	Khoảng trống lớn của chăm sóc chính thức

Nguồn: UNFPA Vietnam (n.d., 2026); General Statistics Office of Vietnam (2025).

Các số liệu cho thấy già hóa không chỉ làm tăng số người cao tuổi mà còn làm thay đổi cơ cấu cầu của nền kinh tế. Nhu cầu có thể mở rộng từ khám chữa bệnh sang phục hồi chức năng, chăm sóc tại nhà, dinh dưỡng, nhà ở thích ứng, giao thông, công nghệ hỗ trợ và dịch vụ xã hội (UNFPA Vietnam, 2026; OECD, 2025). Tuy nhiên, 76% người cao tuổi không có lương hưu cho thấy thị trường không thể chỉ dựa vào sức mua của người cao tuổi; phát triển kinh tế bạc cần kết hợp thị trường với an sinh, dịch vụ công và cộng đồng.

4.2. Già hóa dân số và bất bình đẳng giới: vai trò trung tâm của kinh tế chăm sóc

Già hóa không tác động trung tính đối với nam và nữ. Những bất lợi về tham gia lao động, thu nhập và thời gian chăm sóc có thể tích lũy theo vòng đời, ảnh hưởng đến khả năng tích lũy tài sản và an sinh tuổi già (UNFPA Vietnam, 2021; International Labour Organization, 2021a).

Chỉ tiêu	Nam	Nữ	Chênh lệch
Tham gia lực lượng lao động, 15–64 tuổi (2020)	81,7%	70,8%	10,9 điểm %
Thu nhập bình quân tháng	—	—	Nữ thấp hơn khoảng 10,6%
Lao động ở vị trí quản lý	1,5%	0,6%	Nam cao 2,5 lần
Người sử dụng lao động	2,9%	1,1%	Nam cao khoảng 2,6 lần
Gia đình/chăm sóc không trả công (giờ/tuần)	8,93	18,84	Nữ cao hơn 9,91 giờ

Nguồn: International Labour Organization et al. (2021b); International Labour Organization (2021a).

Khoảng cách giới thể hiện trên nhiều chiều cạnh. Phụ nữ có tỷ lệ tham gia lực lượng lao động thấp hơn nam 10,9 điểm phần trăm và thu nhập bình quân tháng thấp hơn khoảng 10,6%; tỷ lệ phụ nữ ở vị trí quản lý và là người sử dụng lao động cũng thấp hơn đáng kể. Đặc biệt, phụ nữ dành 18,84 giờ/tuần cho công việc gia đình và chăm sóc không trả công, hơn gấp đôi nam giới (International Labour Organization et al., 2021b). Chuỗi bất lợi có thể diễn ra theo hướng: tham gia lao động thấp hơn → thu nhập và tích lũy thấp hơn → đóng góp bảo hiểm thấp hơn → an sinh tuổi già yếu hơn.

4.3. Phụ nữ trong nền kinh tế chăm sóc: từ lao động vô hình đến nguồn lực tạo việc làm

Khoảng 99% người cao tuổi vẫn phụ thuộc vào chăm sóc gia đình và phụ nữ đảm nhận khoảng 72% trách nhiệm chăm sóc (UNFPA Vietnam, 2026). Vì vậy, chăm sóc là điểm giao thoa trực tiếp giữa già hóa và bình đẳng giới. Chi phí của lao động chăm sóc không trả công được chuyển sang thời gian, cơ hội việc làm, thu nhập và khả năng tích lũy an sinh của người chăm sóc. Một cơ chế chuyển đổi có thể được khái quát: chăm sóc gia đình không trả công → dịch vụ hóa một phần hoạt động chăm sóc → giảm gánh nặng thời gian của phụ nữ → tăng khả năng tham gia thị trường lao động → tăng thu nhập và đóng góp bảo hiểm → cải thiện an sinh tuổi già. Đồng thời, nhu cầu chăm sóc tăng → cầu dịch vụ → việc làm mới → đào tạo nghề → doanh nghiệp chăm sóc → công nghệ chăm sóc → mở rộng kinh tế bạc (UNFPA Vietnam, 2026; International Labour Organization et al., 2021b). Tuy nhiên, chuyên nghiệp hóa chăm sóc không nên đồng nghĩa với việc tiếp tục "nữ hóa" nghề chăm sóc nhưng duy trì mức lương thấp và thiếu bảo vệ. Việc làm chăm sóc cần đi cùng đào tạo, tiêu chuẩn nghề nghiệp, tiền lương, bảo hiểm và cơ hội thăng tiến để tránh tái sản xuất bất bình đẳng giới dưới hình thức mới (International Labour Organization, 2021a).

Chỉ báo	Nam	Nữ	Hàm ý
Chăm sóc/việc nhà không trả công	8,93 giờ	18,84 giờ	Gánh nặng thời gian tập trung ở nữ
Người cao tuổi phụ thuộc gia đình	—	—	Khoảng 99%
Trách nhiệm chăm sóc	—	—	Nữ khoảng 72%
Rời lực lượng lao động vì chăm sóc	5,5%	14,5%	Nữ cao hơn 9 điểm %

Nguồn: UNFPA Vietnam (2026); International Labour Organization et al. (2021b).

4.4. Phụ nữ với tư cách người tiêu dùng, người lao động và doanh nhân trong kinh tế bạc

Phụ nữ cần được nhìn nhận là chủ thể của toàn bộ chuỗi giá trị, thay vì chỉ là người chăm sóc. Họ có thể tham gia với tư cách người tiêu dùng, người lao động, người chăm sóc, nhà cung cấp dịch vụ, doanh nhân và nhà đổi mới sáng tạo (European Commission, 2026; OECD, 2025). Các lĩnh

vực có tiềm năng gồm chăm sóc tại nhà, điều dưỡng và phục hồi, dinh dưỡng, du lịch thân thiện với người cao tuổi, giáo dục kỹ năng số, dịch vụ tài chính, hoạt động thể chất và dịch vụ cộng đồng. Khả năng biến nhu cầu thành kinh doanh phụ thuộc vào vốn, công nghệ, đào tạo, thông tin thị trường và mạng lưới hỗ trợ doanh nghiệp (European Commission, 2026; OECD, 2025).

4.5. Đề xuất mô hình "Gender-Responsive Silver Economy Ecosystem" tại Việt Nam

Từ các bằng chứng trên, bài viết đề xuất mô hình gồm bốn nhóm thành tố liên kết và một nhóm kết quả đầu ra. Điểm cốt lõi là giới được đặt ngay trong cơ chế vận hành của kinh tế bạc, thay vì là một mục tiêu bổ sung bên ngoài. Có thể khái quát chuỗi tác động: GIÀ HÓA DÂN SỐ → TĂNG NHU CẦU NGƯỜI CAO TUỔI → THỊ TRƯỜNG KINH TẾ BẠC → PHỤ NỮ TRONG TOÀN BỘ CHUỖI GIÁ TRỊ → CƠ CHẾ HỖ TRỢ → VIỆC LÀM, THU NHẬP, CHẤT LƯỢNG SỐNG, GIẢM GÁNH NẶNG CHĂM SÓC, BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ TĂNG TRƯỞNG BAO TRÙM. Nếu một phần chăm sóc được chuyên nghiệp hóa có kiểm soát, có thể đồng thời giảm lao động chăm sóc không trả công, tạo việc làm/thu nhập mới và nâng cao chất lượng dịch vụ. Tuy nhiên, do 76% người cao tuổi không có lương hưu, phát triển kinh tế bạc phải gắn với khả năng chi trả và an sinh, đặc biệt đối với phụ nữ cao tuổi (UNFPA Vietnam, 2026; International Labour Organization, 2021a).

4.6. Nhận định tổng hợp

Già hóa dân số đang tái cấu trúc đồng thời nhu cầu tiêu dùng, thị trường lao động và nền kinh tế chăm sóc. Trong khi 99% người cao tuổi phụ thuộc vào gia đình và phụ nữ đảm nhận khoảng 72% trách nhiệm chăm sóc, phụ nữ cũng dành 18,84 giờ/tuần cho công việc gia đình và chăm sóc không trả công (UNFPA Vietnam, 2026; International Labour Organization et al., 2021b). Care economy vì vậy là điểm giao thoa giữa già hóa và bình đẳng giới. Nếu được tổ chức lại thông qua dịch vụ chính thức, đào tạo nghề, công nghệ và an sinh, nhu cầu chăm sóc có thể chuyển từ "chi phí gia đình bị ẩn" thành nguồn tạo việc làm, thu nhập, doanh nghiệp và đổi mới (UNFPA Vietnam, 2026; International Labour Organization, 2021a). Đóng góp của bài viết nằm ở việc đặt phụ nữ ở trung tâm toàn bộ hệ sinh thái kinh tế bạc – từ người tiêu dùng, người lao động và người chăm sóc đến nhà cung cấp dịch vụ, doanh nhân và nhà đổi mới sáng tạo – thay vì chỉ xem họ là nhóm dễ bị tổn thương.

V. KẾT LUẬN

Già hóa dân số là một biến đổi cơ cấu quan trọng của Việt Nam, làm tăng nhu cầu về chăm sóc sức khỏe, phục hồi, chăm sóc dài hạn, dinh dưỡng, nhà ở, giao thông, công nghệ hỗ trợ và dịch vụ xã hội. Do đó, già hóa vừa là thách thức an sinh vừa có thể tạo động lực cho kinh tế bạc. Tuy nhiên, tác động của già hóa không trung tính về giới. Phụ nữ vừa đảm nhận phần lớn chăm sóc không trả công, vừa có mức tham gia lao động, thu nhập và sự hiện diện ở vị trí quản lý/chủ doanh nghiệp thấp hơn nam giới. Nếu chỉ mở rộng thị trường dịch vụ cho người cao tuổi mà không xử lý bất bình đẳng trong lao động và chăm sóc, kinh tế bạc có thể tái sản xuất gánh nặng đối với phụ nữ (International Labour Organization et al., 2021b; International Labour Organization, 2021a; UNFPA Vietnam, 2026). Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất "Gender-Responsive Silver Economy Ecosystem", kết nối: (1) nhu cầu từ già hóa; (2) thị trường hàng hóa và dịch vụ cho người cao tuổi; (3) sự tham gia đa vai trò của phụ nữ; và (4) cơ chế hỗ trợ về an sinh, đào tạo, tài chính, công nghệ, pháp luật và hạ tầng. Mục tiêu là tạo việc làm có chất lượng, nâng cao chất lượng sống, giảm bất bình đẳng giới và thúc đẩy tăng trưởng bao trùm (National Assembly of Vietnam, 2009; Prime Minister of Vietnam, 2021).

Một số đề xuất chính sách: 1. Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế bạc gắn với bình đẳng giới; tích hợp chính sách dân số, người cao tuổi, việc làm, an sinh và bình đẳng giới, đồng thời sử dụng đánh giá tác động giới khi thiết kế dịch vụ (National Assembly of Vietnam, 2009; Prime Minister of Vietnam, 2021; UN Women, n.d.). 2. Từng bước chuyển một phần chăm sóc gia đình sang chăm sóc chính thức và dựa vào cộng đồng, gồm chăm sóc tại nhà, trung tâm ban ngày, phục hồi chức năng và dịch vụ cộng đồng; Nhà nước xây dựng chuẩn chất lượng, đào tạo và hỗ trợ nhóm có thu nhập thấp (National Assembly of Vietnam, 2009; Prime Minister of Vietnam, 2021; UNFPA Vietnam, 2026). 3. Phát triển việc làm chăm sóc có chất lượng thông qua chuẩn hóa nghề nghiệp, tiền lương, bảo hiểm, đào tạo liên tục và cơ hội thăng tiến; tránh "nữ hóa" việc chăm sóc nhưng duy trì chất lượng việc làm thấp (International Labour Organization, 2021a; UNFPA Vietnam, 2026). 4.

Hỗ trợ phụ nữ trở thành chủ thể kinh tế thông qua tín dụng, kỹ năng số, quản trị, đổi mới sáng tạo và kết nối thị trường trong các lĩnh vực chăm sóc tại nhà, dinh dưỡng, du lịch thân thiện với người cao tuổi và công nghệ hỗ trợ (International Labour Organization et al., 2021b; UN Women, n.d.). 5. Bảo đảm khả năng tiếp cận kinh tế bạc của người cao tuổi thông qua kết hợp thị trường với trợ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và hỗ trợ dịch vụ, tránh để kinh tế bạc chỉ phục vụ nhóm có sức mua cao (UNFPA Vietnam, 2026; International Labour Organization, 2021a). 6. Xây dựng hệ thống dữ liệu về kinh tế bạc có phân tách theo giới, tuổi, khu vực cư trú và tình trạng kinh tế; chú trọng dữ liệu về thời gian chăm sóc không trả công, việc làm chăm sóc, thu nhập, bảo hiểm và hoạt động kinh doanh của phụ nữ (General Statistics Office of Vietnam [GSO], 2025; UN Women, n.d.). Nhìn tổng thể, già hóa không tự động tạo ra một nền kinh tế bạc bao trùm. Kết quả phụ thuộc vào cách Việt Nam tổ chức lại thị trường, chăm sóc, việc làm và an sinh. Bình đẳng giới cần được xem là một nguyên tắc cấu thành của chính sách già hóa. Một hệ sinh thái kinh tế bạc đáp ứng giới hướng tới đồng thời chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ của người cao tuổi, cơ hội việc làm – kinh doanh cho phụ nữ, và sự phân bổ hợp lý hơn trách nhiệm chăm sóc giữa gia đình, Nhà nước, thị trường và cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

European Commission. (2026). Silver economy. European Commission, Research and Innovation. https://research-and-innovation.ec.europa.eu/research-area/social-sciences-and-humanities/silver-economy_en

Farla, K., Simmonds, P., Varnai, P., & Worthington, H. (2018). The silver economy. European Commission. https://doi.org/10.2759/685036

General Statistics Office of Vietnam. (2025). Thông cáo báo chí kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/thong-cao-bao-chi-ket-qua-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-giua-ky-nam-2024/

International Labour Organization. (2021a). Adapting social insurance to women's life courses: A gender impact assessment of Viet Nam. https://www.ilo.org/publications/adapting-social-insurance-women's-life-courses-gender-impact-assessment

International Labour Organization, UN Women, Asian Development Bank, & Department of Foreign Affairs and Trade, Australian Embassy, Hanoi. (2021b). Country gender equality profile Viet Nam 2021. https://www.ilo.org/publications/country-gender-equality-profile-viet-nam-2021

National Assembly of Vietnam. (2009). Law No. 39/2009/QH12 on the elderly. https://vanban.chinhphu.vn/?classid=1&docid=92321&pageid=27160&typegroupid=3

OECD. (2025). Cities for all ages. OECD Publishing. https://www.oecd.org/en/publications/cities-for-all-ages_f0c8fefa-en/full-report.html

Prime Minister of Vietnam. (2021). Decision No. 2156/QĐ-TTg approving the National Action Programme on Older Persons for 2021–2030. https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?docid=204730&pageid=27160

UNFPA Vietnam. (n.d.). Già hóa dân số. https://vietnam.unfpa.org/vi/topics/gi%C3%A0-h%C3%B3a-d%C3%A2n-s%E1%BB%91

UNFPA Vietnam. (2021). Older persons and gender issues. https://vietnam.unfpa.org/en/publications/older-persons-and-gender-issues

UNFPA Vietnam. (2026, February 10). Population ageing in Viet Nam: From demographic transition to development opportunity. https://vietnam.unfpa.org/en/news/population-ageing-viet-nam-demographic-transition-development-opportunity

UN Women. (n.d.). Viet Nam: Country results. UN Women Transparency Portal. https://open.unwomen.org/en/country-results/VN